

NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý

A – PHÂN BIỆT NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS xác định được nghĩa tường minh và hàm ý trong câu.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Tìm hiểu nghĩa tường minh và hàm ý

Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng câu và từ ngữ trong lời nói, đối lập với hàm ý, là phần thông báo không được nói ra bằng từ ngữ trong lời nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.

2. Đặc tính của hàm ý

Hàm ý có những đặc tính nhất định, mà rõ nhất là hai đặc tính sau đây :

– Hàm ý có thể giải đoán được : Người nghe có năng lực thì có thể đoán ra hàm ý trong lời nói có chứa hàm ý.

- Hàm ý có thể chối bỏ được : Người nói luôn luôn có thể chối bỏ rằng họ không thông báo hàm ý nào đó trong lời nói của mình, tức là người nói có thể không chịu trách nhiệm về hàm ý chứa trong lời nói của chính họ.

3. Hàm ý dùng chung và hàm ý dùng riêng

Chẳng hạn một nhóm bạn có năm người cùng nhau đi xem kịch, trong đó bạn A và B chuẩn bị vé cho cả nhóm.

A hỏi (a) – *Mua được vé chưa ?*

B trả lời (b) – *Mua rồi.*

hoặc (c) – *Mua được ba vé rồi.*

Với tình huống nêu trên, câu và từ ngữ trong (c) cho biết số vé đã mua được là 3, nhưng số vé cần lại là 5. Trên cơ sở đó, người nghe (bây giờ là A) tự đoán ra là còn hai vé chưa mua được, mà không cần B phải nói ra mấy tiếng "*còn thiếu hai vé*". Như vậy, lời (c) là lời có chứa hàm ý, B đã nói "*còn hai vé chưa mua được*" bằng hàm ý.

Hàm ý kiểu như trong ví dụ nêu trên là kiểu hàm ý được nhiều người dùng, được dùng một cách phổ biến trong những tình huống tương tự cho nên nó được gọi là kiểu *hàm ý dùng chung*, hay *hàm ý thông dụng*. Nhưng có những hàm ý chỉ có thể giải đoán được gắn với tình huống cụ thể, tách ra khỏi tình huống đó thì hoặc là không giải đoán được, hoặc là có thể hiểu khác đi ; kiểu hàm ý này được gọi là *hàm ý dùng riêng*, hay *hàm ý đặc dụng*.

Ví dụ về hàm ý dùng riêng : Anh B đi học và trọ ở thành phố, B có người bạn là A. Một lần bà mẹ của B ở quê đến thăm. Tối hôm sau bà mẹ phải ra ga xe lửa để về quê. A gặp B và hai người nói chuyện với nhau.

A (a) – *Tối mai đi nghe ca nhạc với tớ đi.*

B (b) – *Tối mai mẹ mình về quê.*

A (c) – *Đành vậy.*

Lời (a) của A là một lời mời. Lời (b) của B tách ra khỏi tình huống đó thì có vẻ chẳng có quan hệ gì với lời (a). Chỉ trong tình huống cụ thể đó, A mới giải đoán được hàm ý mà B gửi trong lời (b), và biết rằng B từ chối lời mời đi nghe ca nhạc. Lời (c) của A là lời chấp nhận việc từ chối đi nghe ca nhạc của B, cũng tức là A đã giải đoán được hàm ý trong (b).

Người không nắm được tình huống cụ thể đó thì chắc chắn sẽ không hiểu được B định nói gì bằng lời (b), tức là không giải đoán được hàm ý gửi gắm trong lời này. Như vậy, lời (b) là lời chứa *hàm ý dùng riêng* trong trường hợp này.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý.

GV tổ chức cho HS đọc đoạn trích nêu ở mục I (SGK) và trả lời câu hỏi.

Hướng trả lời:

1. Với câu nói của mình, anh thanh niên muốn nói thêm rằng "Anh rất tiếc", nhưng anh không muốn nói thẳng điều đó có thể vì ngại ngùng, vì muốn che giấu tình cảm của mình.

2. Câu nói thứ hai không chứa ẩn ý.

Hoạt động 2. Làm việc với phần *Ghi nhớ*.

GV đọc hoặc cho HS đọc vài lần phần *Ghi nhớ*.

Hoạt động 3. Hướng dẫn HS thực hiện phần *Luyện tập*.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1

a) Câu "*Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy.*" đặc biệt là cụm từ *tặc lưỡi* cho thấy họa sĩ cũng chưa muốn chia tay anh thanh niên. Đây là cách dùng "hình ảnh" để diễn đạt ý của ngôn ngữ nghệ thuật.

b) Trong câu cuối đoạn văn, những từ ngữ miêu tả thái độ của cô gái liên quan tới chiếc mũ soa là :

- *mặt đỏ ửng* (ngượng) ;
- *nhận lại chiếc khăn* (không tránh được) ;
- *quay vội đi* (quá ngượng).

Qua các hình ảnh này, có thể thấy cô gái đang bối rối đến vụng về vì ngượng. Cô ngượng vì định kín đáo để khăn lại làm kỉ vật cho người thanh niên, thế mà anh lại quá thật thà tưởng cô bỏ quên, nên gọi cô để trả lại.

(Dành cho GV : Cô gái ngưỡng với người thanh niên thì ít – vì anh thật thà đến mức vụng về – cô ngưỡng với ông họa sĩ già dày dặn kinh nghiệm kia nhiều hơn, đến mức gọi là "ngưỡng đổ chín mặt".)

Đây cũng là đặc trưng của "ngôn ngữ hình tượng".

Bài tập 2

Hàm ý của câu in đậm là "Ông họa sĩ già chưa kịp uống nước chè đấy".

Bài tập 3

Câu "*Cơm chín rồi!*" có chứa hàm ý, đó là "Ông vô ăn cơm đi!".

Bài tập 4

Những câu in đậm ở đây không chứa hàm ý. Câu in đậm thứ nhất là câu nói lảng (nói sang chuyện khác tránh đề tài đang bàn, còn gọi là "đánh trống lảng"). Câu in đậm thứ hai là câu nói dở dang.